

Bản án số: 1117/2024/HC-PT  
Ngày: 27 - 9 - 2024  
V/v Khiếu kiện quyết định giải  
quyết khiếu nại trong lĩnh vực  
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 491/2024/TLPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3114/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Hữu Duy V, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phan M, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: G T, Phường A, Quận A, Tp .

(Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2018)

***- Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (xin vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:*

- Ông Nguyễn Thanh T - Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt);

- Ông Đỗ Minh T1 - Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh B (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (xin vắng mặt);

2/ Ủy ban nhân dân huyện T (xin vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:* Ông Bùi Đắc Đ - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt)

3/ Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T2 - Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt)

4/ Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND thu hồi 8.755,5m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Hữu D Việt để xây dựng công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T.

Ngày 19/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 9894/QĐ-UBND về việc không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V về đất và tài sản trên đất đối với phần đất thu hồi trên vì lý do toàn bộ diện tích thu hồi đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2001, không đủ điều kiện để bồi thường về đất.

Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V với số tiền là 27.579.825 đồng; đây là khoản hỗ trợ 30% giá đất đối với diện tích 8766,5m<sup>2</sup>.

Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3892/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V với số tiền 185.713.200 đồng; đây là khoản hỗ trợ khác 30% công đào ao.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T, ông V đã có đơn khiếu nại.

Ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 386/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều bác khiếu nại của ông V.

Ông Nguyễn Hữu Duy V cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có một phần nội dung trái pháp luật, bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất bị thu hồi là do cha ông là ông Nguyễn Hữu H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn H1 bằng giấy viết tay vào năm 2000, trong diện tích này là của bà Phạm Thị M1 công dân xã Chí Công khai hoang làm nông nghiệp vào năm 1977 liền kề với đất ông H1. Sau đó bà M1 không làm nữa mới cho ông H1, ông H1 chuyển nhượng lại cho ông H sau đó bà M1 nghe ông H1 bán lại cho ông H nên bà M1 tranh chấp và khởi kiện ra Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã xác minh và công nhận đất nông nghiệp cho bà M1, tại Quyết định số 22/QĐ-HGT ngày 04/02/2003, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong công nhận sự thỏa thuận của ông H về việc bồi thường tiền khai hoang đất cho bà M1; đến năm 2006 thì ông Hồng t cho lại ông V để sử dụng vào mục đích nuôi tôm, quá trình ông V sử dụng đất không bị chính quyền xử phạt, không có ai tranh chấp, phù hợp quy hoạch; do đó, tại thời điểm Ủy ban thu hồi đất của ông V để thực hiện dự án thì diện tích đất của ông tuy không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 Điều 50 luật đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP. Cho nên, theo khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 và khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP thì diện tích đất thu hồi của gia đình ông đủ điều kiện để bồi thường. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T chỉ hỗ trợ 30% giá đất là không có căn cứ.

Về vị trí đất: Các quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T đều xác định vị trí đất thu hồi của gia đình ông là vị trí 5, trên cơ sở đó, áp dụng giá bồi thường theo giá đất tại vị trí này là không đúng, trong khi vị trí đất của hộ ông V đủ các tiêu chí để xác định vị trí 1 vì đất tiếp giáp đường nhựa ven biển; chủ động 100% nước tưới vì đất nuôi trồng thủy sản; đất trải bạc nuôi tôm nên không cần độ phì; cách khu dân cư Gành Rái chỉ 150m.

Do vậy, ông Nguyễn Hữu Duy V khởi kiện yêu cầu Tòa án: hủy một phần Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V trú tại xóm A, thôn T, xã C, huyện T (lần hai); đồng thời xem xét hủy Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V trú tại xóm A, thôn T, xã C (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản đề nghị vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của người bị kiện, ngày 05/02/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Văn bản số 505/STNMT-TTr cho rằng: Việc ông Nguyễn Hữu Duy V khiếu nại đối với Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B tiến hành xác minh, làm việc, thu thập tài liệu, giao cho C thực hiện báo cáo xác minh; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, ban hành Thông báo Kết luận số 346/TA-UBND ngày 25/11/2016 và Công văn số 2741/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2018; trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông V là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có nội dung đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Thông nhất với Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V (lần 2)

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống tập trung tại xã C, huyện T là không có căn cứ, bởi lẽ: Phần diện tích 8.755,5m<sup>2</sup> của hộ ông Nguyễn Hữu D Việt không đủ điều kiện để được nhà nước bồi thường về đất, toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông V thuộc vị trí 5. Việc nâng mức chi hỗ trợ khác theo Công văn số 2174/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với các hộ dân có đất thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường tại dự án xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T là do Ủy ban nhân dân tỉnh đã vận dụng pháp luật hết mức cho phép, hết sức quan tâm đến quyền, lợi ích của người bị thu hồi đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã C trình bày: Thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện T, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:*

1. Hủy Điều 1 của Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V (lần 2);

2. Hủy Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V (lần đầu);

3. Hủy Quyết định số 9894/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V thuộc công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T;

4. Hủy Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V để giải tỏa thi công công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T;

5. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2021, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B kháng cáo bản án sơ thẩm.

***Tại bản án hành chính phúc thẩm số 408/2022/HC-PT ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:***

Bác kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn đề nghị xem xét bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

***Tại Quyết định giám đốc thẩm số 12/2024/HC-GĐT ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:***

Hủy bản án hành chính phúc thẩm số 408/2022/HC-PT ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản xin vắng mặt và vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Duy V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Duy V.

Người khởi kiện không đồng ý kháng cáo của người bị kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã C thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Phần diện tích 8.755,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 95 của gia đình ông V bị thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu H (cha của ông V) nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 27/4/2001, ông H đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai; sau đó, ông H cho ông V sử dụng. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông V không được bồi thường về đất là đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm đ khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh B hỗ trợ về đất bằng 70% giá đất nông nghiệp và hỗ trợ 100% công đào ao cho gia đình ông V là phù hợp với quy định pháp luật, phương án bồi thường và đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông V. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông V là không đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố Tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh B, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Mỹ N vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Thực hiện dự án Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận, ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND thu hồi 8.755,5m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn, thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 95 của hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Duy V.

[2.2] Quá trình thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện T xác định đất của gia đình ông V đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 353/2001/QĐ-CTUBTP ngày 27/4/2001 (đối với hành vi lấn chiếm đất đai), không đủ điều kiện được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ về đất bằng 30% giá đất nông nghiệp và 30% công đào ao với tổng số tiền là 213.293.025 đồng theo các Quyết định số 2732/Đ-UBND ngày 27/5/2015 và Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

[2.3] Do ông V có đơn khiếu nại không đồng ý với việc hỗ trợ mà yêu cầu phải được bồi thường về đất, ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 386/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đã bác yêu cầu bồi thường về đất đối với diện tích 8.755,5m<sup>2</sup> đất bị thu hồi của hộ gia đình ông V; đồng thời xét việc đào ao, lót bạt đáy nuôi tôm trên cát có mức chi phí đầu tư lớn nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thống nhất hỗ trợ về đất bằng 70% giá đất nông nghiệp và hỗ trợ 100% công đào ao cho gia đình ông V.

[2.4] Xét, diện tích 8.755,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 95 của gia đình ông V bị thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu H (cha của ông V) nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa

phương. Ngày 27/4/2001, ông H đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai; sau đó, ông H cho ông V sử dụng. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông V không được bồi thường về đất là đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm đ khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp nhận khiếu nại hỗ trợ về đất bằng 70% giá đất nông nghiệp và hỗ trợ 100% công đào ao cho gia đình ông V là phù hợp với quy định pháp luật, phương án bồi thường và đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông V.

[2.5] Về vị trí thửa đất bị thu hồi: phía người khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi của ông V là đất sử dụng vào mục đích nuôi tôm nên phải chủ động nguồn nước để nuôi tôm, đáp ứng tiêu chí chủ động nước tưới tiêu trên 70% và vị trí đất nằm trong khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m nên phải xác định vị trí 3 theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B để tính giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tuy nhiên, tại Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B phê duyệt danh mục các vùng có mức nước tưới tiêu chủ động từ 70% trở lên vào thời điểm năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thì xã C không có tên trong danh mục này (không đáp ứng được điều kiện 4 của vị trí 1) nên người bị kiện xác định vị trí đất của ông V có vị trí 4 để tính giá trị hỗ trợ là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là chưa đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông V. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Duy V phải chịu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu.

[4.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 21, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Duy V về việc:

- Hủy Điều 1 của Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V (lần 2);

- Hủy Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Duy V (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 9894/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V thuộc công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T;

- Hủy Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu Duy V để giải tỏa thi công công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông Nguyễn Hữu Duy V theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Duy V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu. H2 lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008171 ngày 21/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 17b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Thanh Thúy**